TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO L** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48 /**2023/HNGĐ- ST
Ngày : 20-7-2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L *tham gia phiên tòa: Bà* **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 90/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1994; NKTT: Thôn 01, xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Thôn 02, xã Lộc Phú, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu N**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 01, xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H và anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N quen biết tìm hiểu yêu nhau được 8 tháng sau đó thì quyết định sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/10/2015. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn sau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cải vã, không có tiếng nói chung, chị H cho rằng do anh N thường xuyên nhậu nhẹt. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Huỳnh Thị H xin được ly hôn với anh Trần Hữu N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N có 02 con chung là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 và Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019. Ly hôn chị Huỳnh Thị H yêu cầu được nhận nuôi con chung là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; đồng ý giao con chung là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 cho anh Trần Hữu N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N không ai phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị H trình bày vợ chồng có tạo lập các tài sản gồm:

+ Thửa đất thuộc một phần thửa số 225, tờ bản đồ số 11 (cũ), có diện tích 215,7m^2 tại xã Lộc Bắc, huyện Bảo L nguồn gốc là do chị H và anh N nhận chuyển nhượng từ bà Âu Thị Kiều Trang năm 2017, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do hiện nay thửa đất này đang giải quyết tranh chấp ở một vụ án khác do vậy chị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia thửa đất này.

+ Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36(mới), diện tích 506m^2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, hiện nay thửa đất này đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Trần Hữu N và bà Huỳnh Thị H, nguồn gốc là do vợ chồng nhận chuyển nhượng lại của ông Kỳ và ông S vào ngày 14/02/2022. Ly hôn chị H yêu cầu được nhận ½ trị giá tài sản trên và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Trần Hữu N cho rằng khi ly thân chị H có nắm giữ trong tài khoản ngân hàng Agribank-Chi nhánh Bảo L số tiền là 230.000.000 đồng thì chị H không đồng ý vì lúc đó tài khoản của vợ chồng cùng nhau sử dụng và cùng trả nợ tiền hàng. Khi làm đơn ly hôn tài khoản của chị H chỉ còn 10.000.000đ, chị H phải ra ngoài thuê trọ và mua sữa cho con nên không còn số tiền 230.000.000đ trong tài khoản và cũng không đồng ý chia số tiền trên.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Trần Hữu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu N trình bày quá trình vợ chồng quen biết, tìm hiểu nhau, đến lúc kết hôn, ly thân giống như chị H trình bày. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không chung thủy, không rõ rằng các khoản thu chi của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy anh Trần Hữu N cũng đồng ý được ly hôn với chị Huỳnh Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Trần Hữu N và chị Huỳnh Thị H có 02 con chung là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 và Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019. Ly hôn anh N đồng ý giao con chung là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N không ai phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh Trần Hữu N trình bày vợ chồng có tạo lập tài sản chung là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506m2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L. Ly hôn anh Trần Hữu N yêu cầu được nhận ½ trị giá tài sản trên và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

+ Còn thửa đất thuộc một phần thửa số 225, tờ bản đồ số 11 (cũ), có diện tích 215,7m^2 tại xã Lộc Bắc, huyện Bảo L theo chị H trình bày là do vợ chồng nhận chuyển nhượng lại của bà Âu Thị Kiều Trang là không đúng. Thửa đất này là do mẹ tôi Nguyễn Thị Yên mua lại của bà Trang, tôi chỉ ở nhờ phần đất của mẹ anh N nên đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, tài liệu chứ thì do mẹ anh N cầm nên không có. Do hiện nay thửa đất này đang giải quyết tranh chấp ở một vụ án khác do vậy anh Trần Hữu N cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Trần Hữu N yêu cầu chia số tiền 230.000.000đ trong tài khoản ngân hàng do chị Huỳnh Thị H đứng tên tại ngân hàng Agribank-chi nhánh Bảo L, anh N yêu cầu chị Huỳnh Thị H phải trả cho anh N số tiền 100.000.000đ theo anh N đây là khoản dư mà vợ chồng cùng nhau buôn bán.

Về nợ chung: Anh Trần Hữu N và chị Huỳnh Thị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/02/2023 và ngày 21/6/2023 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu, chị H yêu cầu chia tài sản chung thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506m^2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, đồng ý gioa toàn bộ thửa đất trên cho anh N, chị H yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản bằng tiền; anh Trần Hữu N rút yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 230.000.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N được ly hôn. Về con chung cần giao con chung là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 cho anh Trần Hữu N chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N không ai phải cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị H đối với thửa đất thuộc một phần thửa số 225, tờ bản đồ số 11 (cũ), có diện tích 215,7m^2 tại xã Lộc Bắc, huyện Bảo L; Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Hữu N đối với yêu cầu phân chia số tiền 230.000.000 đồng trong tài khoản của chị Huỳnh Thị H; chia đôi tài sản chung thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506m^2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, do tài sản chung không phân chia bằng hiện vật được nên cần giao tài sản trên cho anh Trần Hữu N, anh N có trách nhiệm trả lại cho chị Huỳnh Thị H ½ giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá; nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Chị Huỳnh Thị H yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung, tài sản chung với anh Trần Hữu N, có địa chỉ tại thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ

theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

II. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N quen biết tìm hiểu yêu nhau được 8 tháng sau đó thì quyết định sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/10/2015. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn sau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cải vã, không có tiếng nói chung, chị H cho rằng do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, còn anh N cho rằng chị H không chung thủy, không rõ rằng các khoản thu chi của vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N thống nhất ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả chị H và anh N đều thống nhất ly hôn. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã nhiều lên hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N, căn cứ vào giấy khai sinh chị Huỳnh Thị H nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N có 02 con chung là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 và Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019. Ly hôn chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N thống nhất giao con chung cho là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019 chị Huỳnh Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung cho là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 cho anh Trần Hữu N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung cho là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019 chị Huỳnh Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung cho là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 cho anh Trần Hữu N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N không ai phải cấp dưỡng nuôi các con, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

{3} Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506m2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản ngày 14/7/2022 trên đất không có tài sản gì. Theo chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 10/12/2022 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh thì tài sản giá trị là 1.262.272.000 đồng.

Chị H và anh N thống nhất chia đôi tài sản trên, chị H đồng ý giao toàn bộ tài sản trên cho anh N, yêu cầu anh N có trách nhiệm trả cho chị H ½ giá trị tài sản là

631.136.000 đồng. Còn anh N yêu cầu chia đôi tài sản chung, anh N yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Mặc dù tài sản chung có chiều ngang là 10m, đủ chia mỗi người 5m chiều ngang nhưng qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai huyện Bảo L thì tài sản là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506 m^2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L là đất nông nghiệp nên không đủ điều kiện tách thửa. Do vậy việc phân chia tài sản chung bằng hiện vật là không thể chia được.

Xét thấy hiện nay anh N đang cư trú tại thôn 1, Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng bên cạnh đó anh N có nguyện vọng được chia tài sản chung bằng hiện vật nên căn cứ vào Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao toàn bộ tài sản chung là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506 m^2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cho anh Trần Hữu N, anh Trần Hữu N có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị H ½ giá trị tài sản chung là 631.136.000 đồng là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Chị H rút yêu cầu chia tài sản chung là tài sản trên đất và quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa số 225, tờ bản đồ số 11 (cũ), có diện tích 215,7m^2 tại xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, do vậy cần đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị H đối với đất và tài sản trên đất thuộc một phần thửa số 225, tờ bản đồ số 11 (cũ), có diện tích 215,7m^2 tại xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Hữu N, yêu cầu chia tài sản chung là 230.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng do chị Huỳnh Thị H đứng tên tại ngân hàng Agribank-chi nhánh Bảo L. Tại phiên tòa, anh N rút toàn bộ yêu cầu chia số tiền 230.000.000 đồng, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, do vậy cần đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh N đối với số tiền 230.000.000 đồng.

Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản: Chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản hết số tiền là 41.466.000 đồng Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N được phân chia tài sản chung nên cần buộc chị H và anh N mỗi người phải nộp ½ chi phí tố tụng trên. Do chị H đã nộp và quyết toán trong hồ sơ vụ án, nên cần buộc anh Trần Hữu N phải trả lại cho chị H số tiền 20.733.000 đồng.

{4} Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án có giá ngạch, cần buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản chung được nhận (20.000.000đ + (4% x 231.136.000) = 29.245.500 đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 218, Điều 219 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H đối với anh Trần Hữu N về việc *"Xin ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung cho là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/11/2019 chị Huỳnh Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung cho là Trần Cao S, sinh ngày 18/10/2016 cho anh Trần Hữu N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị H và anh Trần Hữu N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3. Về tài sản chung: Giao giao toàn bộ tài sản là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 36 (mới), diện tích 506m^2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cho anh Trần Hữu N quản lý và sử dụng. Anh Trần Hữu N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy CN QSD đất theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Trần Hữu N có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị H ½ giá trị tài sản chung là 631.136.000 đồng.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015".

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Thị H đối với tài sản trên đất và quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa số 225, tờ bản đồ số 11 (cũ), có diện tích 215,7m^2 tại xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Hữu N đối với số tiền 230.000.000 đồng.

Hậu quả của đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật".

4. Về chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản: Buộc anh Trần Hữu N có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị H số tiền chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản là 20.733.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và số tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung là 29.245.500 đồng.

Tổng cộng chị Huỳnh Thị H phải nộp 29.545.500 đồng được trừ vào số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004374 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Chị Huỳnh Thị H còn phải nộp số tiền 26.445.500 đồng.

Buộc anh Trần Hữu N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung là 29.245.500 đồng được trừ vào số tiền 2.875.000 đồng tạm ứng án phí anh Trần Hữu N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012675 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Anh Trần Hữu N còn phải nộp số tiền 26.370.500 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Bảo L;*
- *Chi cục THADS huyện Bảo L;*
- *UBND TT Lộc Thắng, huyện Bảo L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi